

Số: 09/BC- TTĐ

Bình Phước, ngày 14 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Về dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu:
Mua thuốc bổ sung phục vụ điều trị năm 2023 cho
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi một số Điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Phước dân tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 07 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;



Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ công lập;

Căn cứ Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 587/QĐ-SYT ngày 25 tháng 10 năm 2023 Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua thuốc cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Trên cơ sở Tờ trình số 1313/TTr-BVĐK ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua thuốc bổ sung phục vụ điều trị năm 2023 cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước và các tài liệu liên quan được cung cấp, Tổ thẩm định đã tiến hành thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: mua thuốc bổ sung phục vụ điều trị năm 2023 cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước từ ngày 13/11/2023 đến ngày 13/11/2023, Tổ thẩm định xin báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về gói thầu :

1.1 Thời gian thẩm định : từ ngày 13/11/2023 đến ngày 13/11/2023

1.2 Địa điểm thẩm định : Phòng họp Sở Y tế tỉnh Bình Phước.

1.3 Khái quát về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu :

- Tên Đơn vị trình duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Bệnh viện Đa khoa tỉnh
- Hoạt động: độc lập với Tổ thẩm định đấu thầu.
- Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu: quý IV/2023.
- Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Bình Phước.
- Cơ quan chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa tỉnh.
- Kinh phí: **968.637.900 đồng** (Chín trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm đồng chẵn)

2. Tóm tắt nội dung văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- a) Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện: không.
- b) Tổng giá trị phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: không.
- c) Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: **968.637.900 đồng** (Chín trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm đồng chẵn)
- d) Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): không.

đ) Tổng giá trị các phần công việc: **968.637.900 đồng** (Chín trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm đồng chẵn)

3. Tổ chức thẩm định:

3.1. Thành viên thẩm định:

1.	Ông Văn Thanh Bình	Phó Giám đốc Sở	Tổ trưởng
2.	Ông Hoàng Mạnh Hoài	PTP. Nghiệp vụ	Tổ phó
3.	Bà Trần Thị Quỳnh Mai	TP. GĐBHYT BHXH tỉnh	Thành viên
4.	Bà Nguyễn Hồng Phượng	CV. GĐBHYT BHXH tỉnh	Thành viên
5.	Ông Hùng Trung Vũ	CV Phòng Nghiệp vụ Sở	Thành viên
6.	Bà Phạm Thị Thu Hà	CV Phòng Nghiệp vụ Sở	Thành viên
7.	Bà Hoàng Thị Kim	Viên chức TTKNDP – MP	Thành viên
8.	Bà Trịnh Thị Thương	CV Phòng Nghiệp vụ Sở	Thành viên
9.	Ông Phạm Phương Duy	CV Phòng Nghiệp vụ Sở	Thành viên, Thư ký

3.2 Đại diện bên lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Không

3.3. Tổ chức thẩm định:

Tổ thẩm định đấu thầu làm việc theo nhóm. Trong trường hợp có ý kiến bất đồng giữa các thành viên, Tổ thẩm định sẽ kiểm tra tập trung vào vấn đề được đưa ra và cùng phân tích, đánh giá để đưa ra kết luận cuối cùng, nếu đã làm các bước mà vẫn không đưa ra được ý kiến thống nhất thì ý kiến khác biệt trên sẽ được đưa cụ thể vào biên bản họp trình người có thẩm quyền, ý kiến cuối cùng do người có thẩm quyền quyết định.

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý của việc lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 1** dưới đây:

Bảng số 1

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Có	Không có
	(1)	(2)	(3)
1	Biên bản họp số 76/2023/BVĐK-HĐT ngày 12/9/2023 của Hội đồng thuốc và điều trị Bệnh viện Đa khoa tỉnh về việc thông qua danh mục gói thầu: Mua thuốc bổ sung	X	

	phục vụ điều trị năm 2023 cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước;		
2	Biên bản họp số 43- TBB/ĐU, ngày 22/9/2023 của Đảng bộ bộ phận Bệnh viện Đa khoa tỉnh về việc thuận chủ trương Mua thuốc bổ sung phục vụ điều trị năm 2023 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước;	X	
3	Biên bản họp số 1145/BB-BVĐK ngày 22/9/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Về việc thống nhất giá gói thầu: Mua thuốc bổ sung phục vụ điều trị năm 2023 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước;	X	
4	Công văn số 1159/BVĐK-KD ngày 26/9/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh về việc xin chủ trương mua thuốc bổ sung phục vụ điều trị năm 2023;	X	
5	Công văn số 4182/SYT-NV ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Sở Y Tế Bình Phước về việc phúc đáp chủ trương mua thuốc bổ sung phục vụ điều trị năm 2023 tại công văn số 1159/BVĐK-KD ngày 26/9/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh;	X	
6	Quyết định số 756/QĐ-BVĐK, ngày 09/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt Danh mục, số lượng và giá kế hoạch dự kiến gói thầu: Mua thuốc bổ sung phục vụ điều trị năm 2023 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước;	X	
7	Quyết định số 818/QĐ-BVĐK, ngày 17/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước về việc thành lập Bên mời thầu và Tổ thẩm định, Gói thầu: Mua thuốc bổ sung phục vụ điều trị năm 2023 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước;	X	
8	Báo cáo số 559/BC-BMT ngày 02/11/2023 của Bên mời thầu Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước về việc lập dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu mua thuốc bổ sung phục vụ điều trị năm 2023 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.	X	

9	Tờ trình số 1313/TTr-BVĐK ngày 02/11/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua thuốc bổ sung phục vụ điều trị năm 2023 cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước;	X	
10	Tờ trình số 1337/TTr-BVĐK ngày 08/11/2023 về việc Điều chỉnh nội dung Dạng bào chế 02 thuốc có STT 03 và 27 tại Tờ trình số 1313/TTr-BVĐK ngày 02/11/2023	X	

b) Ý kiến thẩm định về căn cứ pháp lý: căn cứ các tài liệu Chủ đầu tư trình và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 1**, Tổ thẩm định xét thấy về cơ sở pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu Chủ đầu tư tuân thủ quy định của Pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan.

2. Phân chia dự án thành các gói thầu:

Tổ thẩm định xét thấy về cơ sở pháp lý của việc không phân chia gói thầu, Chủ đầu tư tuân thủ quy định của Pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan.

3. Nội dung tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Phần công việc không thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Phần công việc đã thực hiện: không.
- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: không.
- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): không.

b) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Tổ thẩm định kiểm tra và có ý kiến về kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các nội dung theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NỘI DUNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU			
STT	Nội dung thẩm định (1)	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ, phù hợp (2)	Không tuân thủ hoặc không phù hợp (3)

1	Tên gói thầu: Mua thuốc bổ sung phục vụ điều trị năm 2023 cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước;	X	
2	Giá gói thầu: 968.637.900 đồng (Chín trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm đồng chẵn);	X	
3	Nguồn vốn: Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác;	X	
4	Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: - Hình thức: Chào hàng cạnh tranh qua mạng trong nước; - Phương thức: Một giai đoạn một túi hồ sơ;	X	
5	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2023;	X	
6	Loại hợp đồng: Trọn gói;	X	
7	Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	X	

- Ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu: căn cứ tài liệu do Chủ đầu tư trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 2**, Tổ thẩm định nhận thấy về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư tuân thủ quy định của Pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan; phù hợp với tính chất, yêu cầu của gói thầu.

c) Thông tin chi tiết gói thầu:

STT	Tên gói thầu	Tổng số danh mục		Tổng số tiền (VND)		Chênh lệch	Ghi chú
		Đề xuất	Thẩm định	Đề xuất	Thẩm định		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Mua thuốc bổ sung			968.637.900	968.637.900		

	phục vụ điều trị năm 2023 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước						
2	Nhóm 1	7	7	333.688.900	333.688.900		
3	Nhóm 2	2	2	102.000.000	102.000.000		
4	Nhóm 3	3	3	194.130.000	194.130.000		
5	Nhóm 4	15	15	338.819.000	338.819.000		

Chi tiết các gói thầu được thông qua theo phụ lục đính kèm.

III. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Trên cơ sở tổng hợp kết quả thẩm định theo từng nội dung nêu trên, Tổ thẩm định thống nhất với đề nghị của Chủ đầu tư về kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

2. Kiến nghị

Trên cơ sở Tờ trình của Bệnh viện Đa khoa tỉnh về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định, phân tích như trên, Tổ thẩm định kính đề nghị Sở Y tế:

- Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Mua thuốc bổ sung phục vụ điều trị năm 2023 cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước”.

- Kính trình Sở Y tế tỉnh Bình Phước xem xét phê duyệt, để có cơ sở triển khai thực hiện.

(Kèm theo danh mục gói thầu: “Mua thuốc bổ sung phục vụ điều trị năm 2023 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước”).

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGĐ Sở Y tế;
- Tổ thẩm định;
- BVĐK tỉnh;
- Lưu VT, NV. (Duy 14T11).

TM. TỔ THẨM ĐỊNH
TỔ TRƯỞNG



PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Văn Thanh Bình

PHỤ LỤC DANH MỤC GÓI THẦU

“Mua thuốc bổ sung phục vụ điều trị năm 2023 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước”

(Kèm theo Báo cáo thẩm định số 09/BC-TTĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
1	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat)	nhóm 1	2%	Dùng ngoài	Gel	Tuýp	120	66.720	8.006.400
2	Aluminum phosphat	nhóm 1	20%; 12,38gr	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	10.000	3.751	37.510.000
3	Alfuzosin HCL	nhóm 1	10mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	5.000	15.291	76.455.000
4	Fenofibrat	nhóm 1	200mg	Uống	viên	Viên	6.000	7.053	42.318.000
5	Ofloxacin	nhóm 1	0,3% x 5ml	nhỏ mắt	nhỏ mắt	lọ	1.000	52.900	52.900.000
6	Levofloxacin	nhóm 1	15mg/ml x 5ml	nhỏ mắt	nhỏ mắt	lọ	500	115.999	57.999.500

17	Natri clorid	nhóm 4	0,9%/500ml	Tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai nhựa	20.000	6.498	129.960.000
18	Natri clorid	nhóm 4	3%/100ml	Tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai nhựa	1.500	8.190	12.285.000
19	Natri clorid	nhóm 4	0,9% /100ml	Tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai nhựa	3.000	6.290	18.870.000
20	Natri clorid	nhóm 4	0,9% /10ml	nhỏ mắt	nhỏ mắt	lọ	2.000	1.320	2.640.000
21	Nước cất pha tiêm	nhóm 4	5ml	Tiêm	Dung môi pha tiêm	Ống	40.000	400	16.000.000
22	Giải độc tố uốn ván tinh chế	nhóm 4	40IU/0,5ml	Tiêm	Tiêm	ống	200	13.440	2.688.000
23	Saccharomyces boulardii	nhóm 4	2,26 x 10 mũ 9 CFU	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	6.000	3.570	21.420.000
24	Cytidin monophosphat disodium + Uridin monophosphat disodium	nhóm 4	5mg + 3mg	Uống	Viên nang	viên	12.000	3.850	46.200.000
25	Methyldopa	nhóm 4	250mg	Uống	viên	viên	20.000	550	11.000.000
26	Nifedipin	nhóm 4	20mg	Uống	viên	viên	20.000	450	9.000.000
27	Isosorbid-5-mononitrat	nhóm 4	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	15.000	1.953	29.295.000
Cộng: 27 khoản		Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm đồng chẵn							968.637.900

7	Acid amin	nhóm 1	5% x 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	Chai	500	117.000	58.500.000
8	Bisoprolol fumarat	nhóm 2	2,5mg	Uống	viên	Viên	60.000	450	27.000.000
9	Diosmin	nhóm 2	600mg	Uống	viên	Viên	15.000	5.000	75.000.000
10	Gabapentin	Nhóm 3	300mg	Uống	viên	Viên	30.000	2.793	83.790.000
11	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate) 250mg + Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate) 31,25mg	nhóm 3	250mg + 31,25mg	Uống	Bột/côm/hạt pha uống	Gói	20.000	3.117	62.340.000
12	Celecoxib	nhóm 3	200mg	Uống	Viên nang	Viên	20.000	2.400	48.000.000
13	Amikacin (dưới dạng Amikacin sulfat)	nhóm 4	500mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	2.000	6.298	12.596.000
14	Drotaverin clohydrat	nhóm 4	40mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	500	2.130	1.065.000
15	Diclofenac natri	nhóm 4	75mg/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	ống	3.000	800	2.400.000
16	Ringer lactat	nhóm 4	500ml	Tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai nhựa	3.000	7.800	23.400.000